ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2704 /GPMT-UBND	*Nam Định, ngày 09 tháng 12 năm 2024*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản của Công ty cổ phần Vina - HTC: Số 03/CV-HTC ngày 22/8/2024 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường; số 02/CV-HTC ngày 02/12/2024 về việc giải trình nội dung chỉnh sửa báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 5326/TTr-STNMT ngày 06/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần Vina - HTC (sau đây gọi tắt là Công ty) tại địa chỉ Lô 21 + 25 và một phần lô 22 đường N3, Cụm công nghiệp (CCN) An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở "Nhà máy sản xuất nguyên liệu và thức ăn cho chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản" với các nội dung sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất nguyên liệu và thức ăn cho chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thuỷ sản.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô 21 + 25 và một phần lô 22 đường N3, CCN An Xá, thành phố Nam Định.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0600812148 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp đăng ký lần đầu ngày 13/7/2011, đăng ký thay đổi

lần thứ 4 ngày 20/11/2019.

1.4. Mã số thuế: 0600812148.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất thức ăn chăn nuôi.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

- Diện tích: 11.769 m^2 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 708474 do UBND tỉnh Nam Định cấp ngày 29/01/2015).

- Phạm vi cấp giấy phép trên diện tích 6.878,5 m^2 của Nhà máy để sản xuất nguyên liệu và thức ăn cho chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thuỷ sản.

- Công suất: Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất thức ăn cho chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản với tổng công suất 10.000 tấn/năm.

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải (chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại), phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần Vina - HTC

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần Vina - HTC có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý nước thải, khí thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường và quản lý chất thải đúng quy định của pháp luật; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất thải không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả chất thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Trung

tâm phát triển CCN thành phố Nam Định nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường để xem xét, hướng dẫn.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Quyết định số 1205/QĐ-STNMT ngày 03/6/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Đầu tư mở rộng Nhà máy sản xuất nguyên liệu và thức ăn cho chăn nuôi gia súc, gia cầm và thuỷ sản" của Công ty cổ phần Vina - HTC tại CCN An Xá, thành phố Nam Định và các giấy phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký;

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở "Nhà máy sản xuất nguyên liệu và thức ăn cho chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thuỷ sản" tại CCN An Xá, thành phố Nam Định được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Nam Định;
- TT phát triển CCN thành phố Nam Định;
- Công ty cổ phần Vina - HTC;
- Chi cục Bảo vệ môi trường;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VP1, VP3.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Dũng

Phụ lục I

THỰC HIỆN YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 2704 /GPMT-UBND ngày 09 /12/2024 của UBND tỉnh Nam Định)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý của cơ sở sẽ được đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của cụm công nghiệp (CCN) An Xá mà không xả thải trực tiếp ra môi trường).

- Đã có thỏa thuận tiếp nhận nước thải của Công ty vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của CCN An Xá theo văn bản đã ký với Trung tâm phát triển CCN thành phố Nam Định (đơn vị quản lý vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung), cụ thể tại hợp đồng số 56/HĐ-XLNT ngày 04/01/2016 để xử lý nước thải của Công ty từ QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) sang QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) trước khi thải ra ngoài môi trường (Công ty có trách nhiệm thực hiện theo đúng nội dung văn bản đã ký kết).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải từ nhà vệ sinh được thu gom bằng đường ống nhựa D110 xuống bể tự hoại, sau đó theo đường ống D110 về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 20 m^3/ngày.đêm để xử lý.

- Nguồn số 02: Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi, sau đó theo đường ống D60 chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 20 m^3/ngày.đêm để xử lý.

Toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Công ty được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 20 m^3/ngày.đêm để xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) trước khi chảy thải ra cống thu gom nước thải của CCN An Xá, thành phố Nam Định qua 01 cửa xả phía Đông Bắc nhà máy để tiếp tục xử lý theo hợp đồng đã ký kết với Trung tâm phát triển CCN thành phố Nam Định.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Công trình xử lý nước thải sơ bộ

+ Hệ thống bể tự hoại 03 ngăn: Công ty đã xây dựng 02 bể tự hoại (01 bể trong nhà điều hành; 01 bể nhà vệ sinh chung trong khuôn viên công ty) để xử lý sơ bộ nước thải nhà vệ sinh, tổng thể tích bể tự hoại là 48,9 m^3.

+ Công ty không tổ chức nấu ăn mà đặt mua suất ăn công nghiệp nên không phát sinh nước thải do hoạt động nấu ăn từ khu vực nhà ăn.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung: Công ty đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 20 m^3/ngày.đêm với quy trình công nghệ xử lý như sau: Nước thải (từ 02 nguồn phát sinh) → Bể lắng cát, tách dầu mỡ → Bể điều hoà kết hợp vi sinh kỵ khí → Bể phân huỷ vi sinh kỵ khí → Bể lắng → Bể lọc sinh học kỵ khí → Bể khử trùng → Hố ga (Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2022/BTNMT (Cột B)) → Cống thu gom nước thải của CCN An Xá qua 01 cửa xả phía Đông Bắc nhà máy.

- Hóa chất sử dụng: Hoá chất khử trùng Clorin với khối lượng 06 kg/năm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Bố trí 01 cán bộ phụ trách vận hành giám sát hệ thống xử lý nước thải và được đào tạo đáp ứng yêu cầu vận hành; theo dõi, ghi chép sổ nhật ký vận hành; tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành trạm xử lý nước thải tập trung.

- Định kỳ kiểm tra, nạo vét hệ thống thu gom nước thải; theo dõi hoạt động, có kế hoạch bảo dưỡng định kỳ các thiết bị, máy móc.

- Khi hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, Công ty tạm dừng hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, thông báo kịp thời với Trung tâm Phát triển CCN thành phố Nam Định, đồng thời cử cán bộ kiểm tra sửa chữa, khắc phục sự cố. Sau khi sự cố được khắc phục, nước thải xử lý đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) mới cho phép tiếp tục xả thải vào hệ thống thu gom nước thải của CCN An Xá.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Tối đa 06 tháng (dự kiến từ Quý I/2025).

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 20 m^3/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- 01 mẫu tại bể lắng cát, tách dầu mỡ của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 20 m^3/ngày.đêm.

- 01 mẫu tại hố ga đầu ra trước khi thải ra cống thu gom nước thải của CCN An Xá.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị cho phép theo QCVN 40:2011/BTNMT, cột B		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			Giá trị C	Giá trị C_{max}		
1	pH	-	5,5 ÷ 9	5,5 ÷ 9		
2	COD	mg/l	150	162		

3	BOD_5 (20^0C)	mg/l	50	54	06 tháng/lần (02 lần/năm) theo đề nghị của Công ty	Không thuộc đối tượng phải thực hiện
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100	108		
5	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10	10,8		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	10,8		
7	Clo dư	mg/l	2	2,16		
8	Tổng Nitơ	mg/l	40	43,2		
9	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	6	6,48		
10	Sunfua	mg/l	0,5	0,54		
11	Coliform	VK/100ml	5.000	5.000		

2.3. Tần suất lấy mẫu

- Lấy mẫu trong 03 ngày liên tiếp với 01 mẫu đầu vào tại bể lắng cát, tách dầu mỡ và 03 mẫu đầu ra tại hố ga lấy trước khi thải ra cống thu gom nước thải của CCN An Xá. Tần suất lấy mẫu 01 lần/ngày (quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Chủ dự án phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Nam Định trong quá trình giám sát vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm nước thải xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) trước khi thải ra công thu gom nước thải của CCN An Xá. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của nhà máy. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), lượng điện tiêu thụ, loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh (nếu có). Nhật ký vận hành (bằng tiếng Việt) và lưu giữ tối thiểu 02 năm theo quy định.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Phối hợp với Trung tâm phát triển cụm công nghiệp thành phố Nam Định thực hiện theo Hợp đồng số 56/HĐ-XLNT ngày 04/01/2016 để xử lý nước thải của Công ty./.

Phụ lục II

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 2704 /GPMT-UBND ngày 09 /12/2024 của UBND tỉnh Nam Định)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải

Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi công suất 500 kg/h.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải

- Số lượng dòng khí thải đề nghị cấp phép: 01 dòng khí thải phát sinh sau hệ thống xử lý bụi khí thải lò hơi công suất 500 kg/h.

- Tọa độ vị trí xả thải: X(m) = 20.399865; Y(m) = 106.140881 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $105^0 30'$, múi chiếu 3^0).

2.2. Lưu lượng xả khí thải

Lưu lượng xả thải tối đa 1.500 m^3/h.

2.3. Phương thức xả khí thải

Xả khí thải gián đoạn trong ngày, không theo chu kỳ.

2.4. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ với nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp được tính theo công thức $C_{max} = C \times K_p \times K_v$ (Áp dụng hệ số $K_p = 1$; $K_v = 1$), cụ thể:

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn thông số ô nhiễm theo QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B)		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			Giá trị C	Giá trị C_{max}		
1	Lưu lượng	m^3/h	-	-	06 tháng/ lần (02 lần/năm) theo đề nghị của Công ty	Không thuộc đối tượng lắp đặt
2	Bụi tổng	mg/Nm^3	200	200		
3	SO_2	mg/Nm^3	500	500		
4	CO	mg/Nm^3	1.000	1.000		
5	NO_x (tính theo NO_2)	mg/Nm^3	850	850		

Khi có sự thay đổi quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường sẽ áp dụng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng mới nhất.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi công suất 500 kg/h được thu gom qua cyclon, quạt hút và đưa vào hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

Công ty đã đầu tư hệ thống bụi xử lý khí thải lò hơi công suất 500 kg/h. Khí thải sau khi xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) trước khi thải ra môi trường qua ống thoát khí cao 13 m (so với nền khu vực lò hơi).

- Quy trình công nghệ xử lý bụi, khí thải như sau: Bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi công suất 500 kg/h → Cyclon → Quạt hút → Bể lọc ướt → Khí sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) sẽ thoát ra ngoài môi trường qua ống thoát khí cao 13 m (so với nền khu vực lò hơi).

- Sàn thao tác lấy mẫu, vị trí lỗ kỹ thuật lấy mẫu theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (quy định tại Khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Bố trí cán bộ phụ trách vận hành giám sát hệ thống xử lý khí thải.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi.

- Trong trường hợp hệ thống gặp sự cố, Công ty tạm dừng hoạt động để kiểm tra xác định nguyên nhân, khắc phục sự cố. Sau khi sự cố được khắc phục, khí thải sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B) trước khi thải ra ngoài môi trường mới cho hệ thống hoạt động trở lại.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Tối đa 06 tháng (dự kiến từ Quý I/2025).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

01 hệ thống thu gom xử lý bụi, khí thải lò hơi.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

01 mẫu tại lỗ kỹ thuật trên thân ống phóng không sau hệ thống xử lý khí thải khu vực lò hơi.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Như tại mục 2.4 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

- Tần suất lấy mẫu khí thải: Ít nhất 01 ngày/lần tại 01 lỗ kỹ thuật trên thân 01 ống phóng không của hệ thống xử lý trong 03 ngày liên tiếp (quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Công ty phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Nam Định, Trung tâm phát triển CCN thành phố Nam Định trong quá trình giám sát vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.4 phần A Phụ lục này trước khi thải ra ngoài môi trường. Không được phép xả khí thải chưa qua xử lý ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng thiết bị lọc bụi, kiểm tra, sửa chữa, thay thế thiết bị hỏng hóc, đảm bảo cho thiết bị lọc bụi vận hành liên tục trong quá trình sản xuất (hệ thống lọc bụi tay áo để thu gom bụi quá trình phối trộn nguyên liệu).

- Tăng cường trồng bổ sung cây xanh trong khuôn viên nhà máy, đảm bảo tỷ lệ cây xanh theo quy hoạch được phê duyệt.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để vận hành hiệu quả hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải lò hơi và hệ thống lọc bụi tay áo khu vực phối trộn nguyên liệu.

- Tuyên truyền vận động cán bộ, công nhân viên thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường theo quy định.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết./.

Phụ lục III

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 2704/GPMT-UBND ngày 09/12/2024 của UBND tỉnh Nam Định)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Loại CTNH	Ký hiệu phân loại	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	KS	18 02 01	05
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	NH	16 01 06	05
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	NH	17 02 03	30
4	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	KS	18 01 01	07
Tổng cộng				**47**

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

Chất thải rắn công nghiệp phát sinh từ hoạt động sản xuất gồm: Bao bì dây buộc thừa, tem nhãn thải, bìa catton, nilon màng chít khoảng 05 kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân viên khoảng 23 kg/ngày. Thành phần gồm: Thức ăn thừa, vỏ hoa quả, túi nilon, vỏ hộp,...

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH)

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- Bố trí 04 thùng chứa thể tích từ 60 - 120 lít/thùng để lưu giữ CTNH.

- Công ty đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý CTNH theo đúng quy định của pháp luật.

2.1.2. Công trình lưu chứa CTNH

Công ty đã bố trí khu vực lưu chứa CTNH diện tích 10 m^2 để lưu giữ các loại CTNH. Kho chứa CTNH có biển báo, trong kho bố trí các thùng chứa CTNH, dán nhãn từng thùng chứa CTNH theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTR công nghiệp thông thường

- Công ty đã bố trí kho chứa CTR công nghiệp thông thường với diện tích 20 m^2 (nằm trong nhà phụ trợ) để lưu giữ chất thải. Kho có kết cấu tường gạch, nền bê tông, có mái che.

- Công ty đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Công ty bố trí khoảng 04 thùng rác có nắp đậy có thể tích từ 50 lít/thùng để thu gom và lưu giữ trong kho chứa rác thải sinh hoạt diện tích khoảng 10 m^2.

- Công ty đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH, CTR công nghiệp thông thường, CTR sinh hoạt

Các thiết bị, công trình lưu giữ CTNH, CTR công nghiệp thông thường, CTR sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo Điều 122, Điều 124, Điều 125, Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường

Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng kế hoạch ứng phó sự cố khác thì phải đảm bảo nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2. Phòng ngừa đối với sự cố cháy nổ

- Đã được phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ - Công an tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy số 49/TD-PCCC (PC66) ngày 20/12/2012 và số 166/TD-PCCC ngày 25/8/2020; nghiệm thu theo biên bản kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy (PCCC) ngày 10/9/2014 và ngày 19/11/2020.

- Trang bị bình chữa cháy xách tay đặt trong hộp tại các vị trí dễ quan sát và tại những khu vực phù hợp.

- Thường xuyên tuyên truyền, huấn luyện, phổ biến và giáo dục kiến thức về phòng chống cháy nổ cho người lao động và người sử dụng lao động. Xây dựng nội quy phòng cháy chữa cháy nơi sản xuất, làm việc và phổ biến cho cán bộ, công nhân trong nhà máy hiểu biết và nghiêm túc thực hiện.

- Thành lập đội phòng cháy chữa cháy tại nhà máy, hàng năm tổ chức huấn luyện nghiệp vụ và diễn tập phương án phòng cháy chữa cháy theo quy định.

3. Biện pháp, phòng ngừa sự cố lò hơi

- Thường xuyên kiểm tra mức nước trong ống thuỷ tại lò hơi.

- Kiểm tra áp kế, cụm van, đường ống cung cấp hơi nước. Nếu bị hỏng (áp kế bị nứt, vỡ mặt kính) hay rò rỉ đường dẫn, nhẹ, Công ty bố trí khắc phục trong thời gian sớm nhất (không quá 01 tuần). Nếu hư hỏng nặng thì phải ngừng lò ngay lập tức, tránh để xảy ra tai nạn. Quá trình sửa chữa phải tuân thủ nguyên tắc tuyệt đối an toàn (nguội lò, xả hết nước,…) và theo dõi chặt chẽ trong quá trình vận hành.

- Công nhân vận hành lò hơi phải được tập huấn, đào tạo nghiêm ngặt, chấp hành nghiêm chỉnh quy trình thao tác vận hành và phải được phổ biến, cập nhật và tuân thủ đúng hướng dẫn, quy định do Công ty ban hành về ứng phó với sự cố.

- Thực hiện nghiêm chỉnh nội quy vận hành lò hơi và thực hiện kiểm định đúng quy định.

4. Phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với CTNH

Yêu cầu công nhân thu gom, phân loại, lưu giữ CTNH theo từng loại riêng biệt, tuyệt đối không để CTNH có khả năng tương tác với nhau đặt gần nhau. Bố trí bình chữa cháy trong kho để ứng phó sự cố rò rỉ CTNH. Khi có sự cố rò rỉ, phát tán CTNH ra môi trường xung quanh, Công ty thu gom CTNH vào thùng chứa, kho chứa và vận chuyển xử lý theo đúng quy định./.

Phụ lục IV

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 2704 /GPMT-UBND ngày 09 /12/2024 của UBND tỉnh Nam Định)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Cơ sở không thuộc đối tượng phải yêu cầu về cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Cơ sở không thuộc đối tượng phải yêu cầu về bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG): Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty cổ phần Vina - HTC có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; đảm bảo đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường; chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực cơ sở.

- Công khai giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Công ty hoặc tại trụ sở UBND cấp xã nơi cơ sở hoạt động. Thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp giấy phép môi trường.

- Công khai kết quả quan trắc chất thải của kỳ quan trắc gần nhất trên trang thông tin điện tử của Công ty hoặc công khai trên bảng thông tin điện tử đặt tại cổng Công ty. Thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi có kết quả quan trắc chất thải định kỳ cho đến thời điểm công khai kết quả quan trắc định kỳ mới nhất.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm hạng mục công trình xử lý chất thải cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nội dung quy định tại Khoản 7, Khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Bố trí đầy đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện; định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Tăng cường trồng cây xanh đảm bảo tỷ lệ quy hoạch được phê duyệt.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đất đai, quy hoạch, xây dựng, phòng cháy chữa cháy,... và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

- Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.